

PHÒNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO QUẬN 6
TRƯỜNG THCS LAM SƠN

Âm Nhạc 7



Quan sát tranh







TUẦN 1 - TIẾT 1

Học hát: Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

Bài đọc thêm: Nhạc sĩ Bùi Đình Thảo
và bài hát Đi học

1/ Tác giả:



- + Sinh ngày 7/9/1962 tại Sài Gòn
- +Tốt nghiệp Đại học luật ngành tư pháp và Đại học Âm nhạc tại TP HCM.
- +Hội viên hội nhạc sĩ và là hội viên hội luật gia TP HCM.
- +Tác phẩm: Búp bê bằng bông, Mưa rơi, Nụ cười hồng, Em tập leo núi, Vui đến trường...

TUẦN 1 – TIẾT 1

Học hát: Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

Mời các em nghe hát



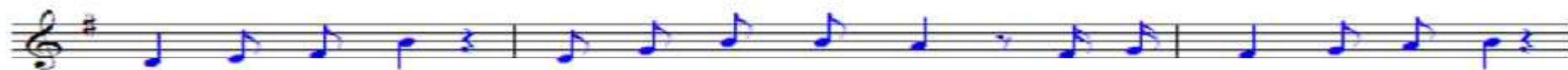
Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

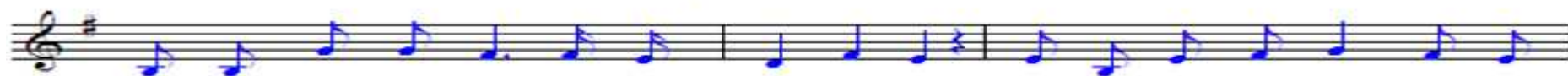
Vừa phải - Tình cảm



Ơi hàng cây xanh thắm dưới mái trường mến yêu. Có loài chim đang hót vang



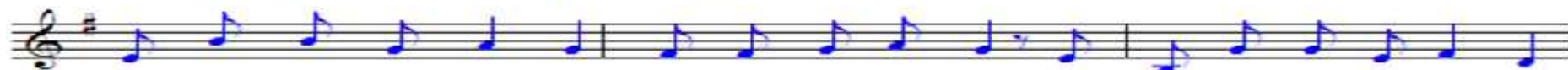
hòa tấu như nói. Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống.



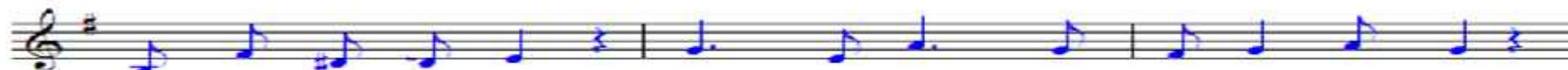
Thầy dịu dặt chúng em với tấm lòng thiết tha. Khi bình minh hé sáng phôi hương



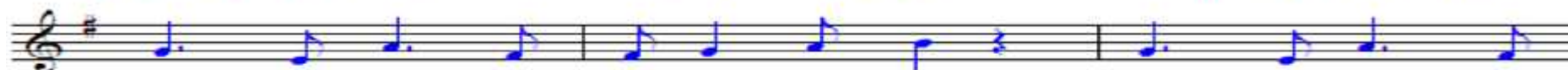
con ngủ yên. Khi giọt sương long lanh vẫn còn đọng trên lá.



Thầy bước đến trường em mang một tình yêu ước mơ. Cho từng ánh mắt trẻ thơ cho



từng khúc nhạc dịu êm. Như thời gian êm đềm theo tháng năm.



Như dòng sông gợn đều theo cơn gió. Mang tình yêu của



thầy đến với chúng em. Để dựng xây quê hương ngày mai sáng ngời.

TUẦN 1 – TIẾT 1

Học hát: Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

Mời các em đọc lời ca

- Oi hàng cây xanh thắm dưới mái trường mến yêu.
- Có loài chim đang hót vang hòa tựa như nói.
- Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống.
- Thầy dìu dắt chúng em với tấm lòng thiết tha.
- Khi bình minh hé sáng phố phường còn ngủ yên.
- Khi giọt sương long lanh vẫn còn đọng trên lá.
- Thầy bước đến trường em mang một tình yêu ước mơ.
- Cho từng ánh mắt trẻ thơ cho từng khúc nhạc dịu êm.
- Như thời gian êm đềm theo tháng năm.
- Như dòng sông gợn đều theo cơn gió.
- Mang tình yêu của thầy đến với chúng em.
- Để dựng xây quê hương tương lai sáng ngời.

TUẦN 1 – TIẾT 1

Học hát: Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

Mời các em giải thích từ ?

- Xanh thắm: Màu lá xanh thắm (đậm đà, nồng ấm)
- Sức sống: Tuổi trẻ tràn đầy sức sống (sinh khí)
- Dịu dặt: Giúp cho bạn tiến bộ
- Thiết tha: Gắn bó hết lòng
- Bình minh: Rạng đông
- Long lanh: Tím tì (mắt sáng long lanh...)
- Ước mơ: Như mơ ước 1 điều gì
- Dịu êm. Êm ái, nhẹ nhàng
- Êm đềm: Êm ả, yên ả
- Tình yêu: Tình cảm, gắn bó mật thiết
- Sáng ngời. Đẹp rực rỡ

TUẦN 1 – TIẾT 1

Học hát: Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

Mời các em phân tích bài hát

***Phân tích bài hát:**

+Bài hát viết ở nhịp 4/4

+Trong bài sử dụng kí hiệu âm nhạc nào?

Dấu luyện

***Bài hát chia làm mấy đoạn?**

3 đoạn

+ Được chia như thế nào?

Đoạn 1: Oĩ hàng.....thiết tha.

Đoạn 2: Khi.....dịu êm.

Đoạn 3: Như.....sáng ngời.

+ Đoạn 1 chia làm mấy câu?

4 câu

+ Được chia câu như thế nào?

+ Đoạn 2 chia làm mấy câu?

4 câu.

+ Được chia câu như thế nào?

+ Đoạn 3 chia làm mấy câu?

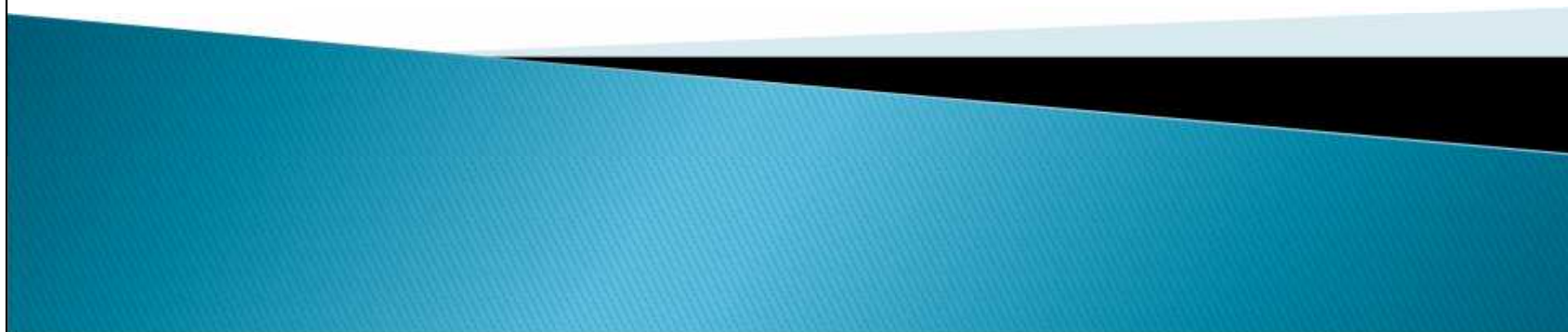
4 câu

TUẦN 1 – TIẾT 1

Học hát: Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

Mời các em luyện thanh



TUẦN 1 – TIẾT 1

Học hát: Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

Mời các em học hát

- Oi hàng cây xanh thắm dưới mái trường mến yêu.
- Có loài chim đang hót vang hòa tấu như nói.
- Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống.
- Thầy dìu dắt chúng em với tấm lòng thiết tha.
- Khi bình minh hé sáng phố phường còn ngủ yên.
- Khi giọt sương long lanh vẫn còn đọng trên lá.
- Thầy bước đến trường em mang một tình yêu ước mơ.
- Cho từng ánh mắt trẻ thơ cho từng khúc nhạc dịu êm.
- Như thời gian êm đềm theo tháng năm.
- Như dòng sông gợn đều theo cơn gió.
- Mang tình yêu của thầy đến với chúng em.
- Để dựng xây quê hương tương lai sáng ngời.

TUẦN 1 – TIẾT 1

Học hát: Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

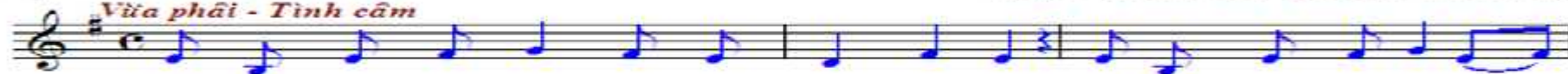
Mời các em nghe nhạc đệm



Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

Vừa phải - Tình cảm



Ơi hàng cây xanh thắm dưới mái trường mến yêu. Có loài chim đang hót vang



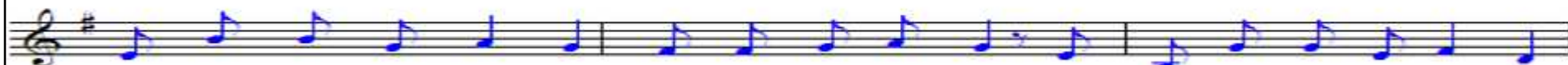
hòa tấu như nói. Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống.



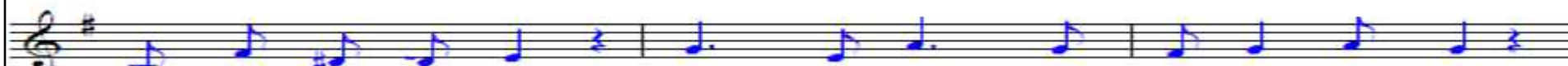
Thấy dẫu đất chúng em với tấm lòng thiết tha. Khi bình minh hé sáng phôi hương



con ngủ yên. Khi giọt sương long lanh vẫn còn đọng trên lá.



Thầy bước đến trường em mang một tình yêu ước mơ. Cho từng ánh mắt trẻ thơ cho



từng khúc nhạc dịu êm. Như thời gian êm đềm theo tháng năm.



Như dòng sông gợn đều theo cơn gió. Mang tình yêu của



thầy đến với chúng em. Để dựng xây quê hương tươi sáng ngôi.

TUẦN 1 – TIẾT 1

Học hát: Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

Mời các em hát theo nhạc đệm



- Oi hàng cây xanh thắm dưới mái trường mến yêu.
- Có loài chim đang hót vang hòa tấu như nói.
- Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống.
- Thầy dìu dắt chúng em với tấm lòng thiết tha.
- Khi bình minh hé sáng phố phường còn ngủ yên.
- Khi giọt sương long lanh vẫn còn đọng trên lá.
- Thầy bước đến trường em mang một tình yêu ước mơ.
- Cho từng ánh mắt trẻ thơ cho từng khúc nhạc dịu êm.
- Như thời gian êm đềm theo tháng năm.
- Như dòng sông gợn đều theo cơn gió.
- Mang tình yêu của thầy đến với chúng em.
- Để dựng xây quê hương tương lai sáng ngời.

TUẦN 1 – TIẾT 1

Học hát: Mái trường mến yêu

Nhạc và lời: LÊ QUỐC THẮNG

Mời các em hát và vỗ tay theo phách

- Ơi hàng cây xanh thắm dưới mái trường mến yêu.

X X X X X X X

- Có loài chim đang hát vang hòa tấu như nói.

X X X X X X X

- Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống.

X X X X X X X X

- Thầy dìu dắt chúng em với tấm lòng thiết tha.

X X X X X X X



- Như thời gian êm đềm theo tháng năm.

X X X X X X X X

- Như dòng sông gợn đều theo cơn gió.

X X X X X X X X

- Mang tình yêu của thầy đến với chúng em.

X X X X X X X X

- Để dựng xây quê hương tương lai sáng ngời.

X X X X X X X X

- Ơi hàng cây xanh thắm dưới mái trường mến yêu.

X X X X X X X

- Có loài chim đang hát vang hòa tấu như nói.

X X X X X X X

- Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống.

X X X X X X X

- Thầy dìu dắt chúng em với tấm lòng thiết tha.

X X X X X X X

- Như thời gian êm đềm theo tháng năm.

X X X X X X X X

- Như dòng sông gợn đều theo cơn gió.

X X X X X X X X

- Mang tình yêu của thầy đến với chúng em.

X X X X X X X X

- Để dựng xây quê hương tương lai sáng ngời.

X X X X X X X X

Nội dung bài hát: Mái trường mến yêu

* Bài hát đã gợi lên hình ảnh ngôi trường thời thơ ấu thân quen. Qua bài hát, nhắc nhở mỗi chúng ta phải biết yêu quý những ngày tháng còn đi học và biết trân trọng công sức của thầy cô giáo.

Củng cố - Dặn dò

Hát thuần thục bài hát “*Mái trường mến yêu*”

Chuẩn bị trước Tiết 2, bài TĐN số 1 – SGK tr 8.

Tiết học kết thúc

Chúc các em chăm ngoan, học giỏi, hát hay!

PHÒNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO QUẬN 1
TRƯỜNG THCS LAM SƠN

ÂM NHẠC 7



Tuần 2 - Tiết 2

Ôn tập bài hát: Mái trường mến yêu
Tập đọc nhạc: TĐN số 1
Bài đọc thêm: Cây đàn bầu



TUẦN 2 – TIẾT 2

Phần 1: Ôn tập bài hát: Mái trường mến yêu

Mời các em nghe hát



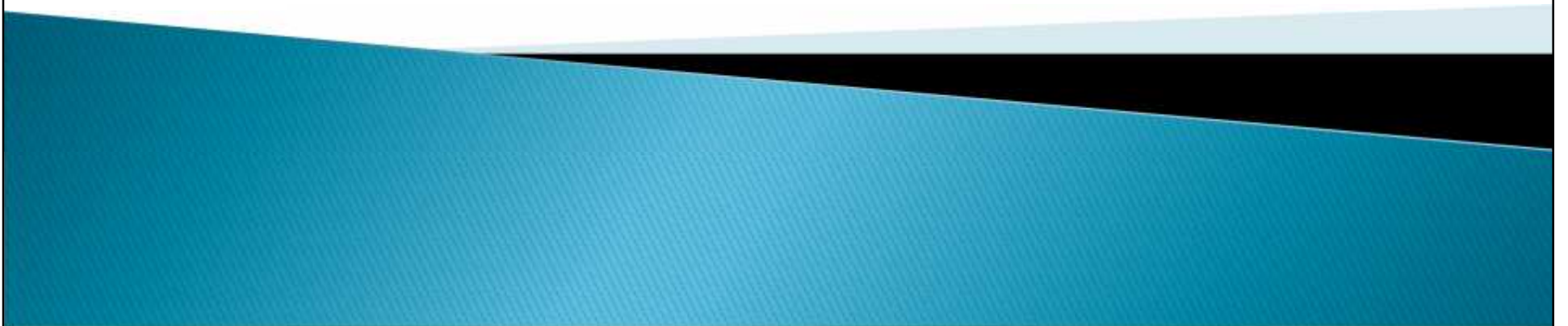
Phần 1: Ôn tập bài hát: Mái trường mến yêu

- Oi hàng cây xanh thắm dưới mái trường mến yêu.
- Có loài chim đang hót vang hòa tấu như nói.
- Vì hạnh phúc tuổi thơ và cho đời thêm sức sống.
- Thầy dìu dắt chúng em với tấm lòng thiết tha.
- Khi bình minh hé sáng phố phường còn ngủ yên.
- Khi giọt sương long lanh vẫn còn đọng trên lá.
- Thầy bước đến trường em mang một tình yêu ước mơ.
- Cho từng ánh mắt trẻ thơ cho từng khúc nhạc dịu êm.
- Như thời gian êm đềm theo tháng năm.
- Như dòng sông gợn đều theo cơn gió.
- Mang tình yêu của thầy đến với chúng em.
- Để dựng xây quê hương tương lai sáng ngời.

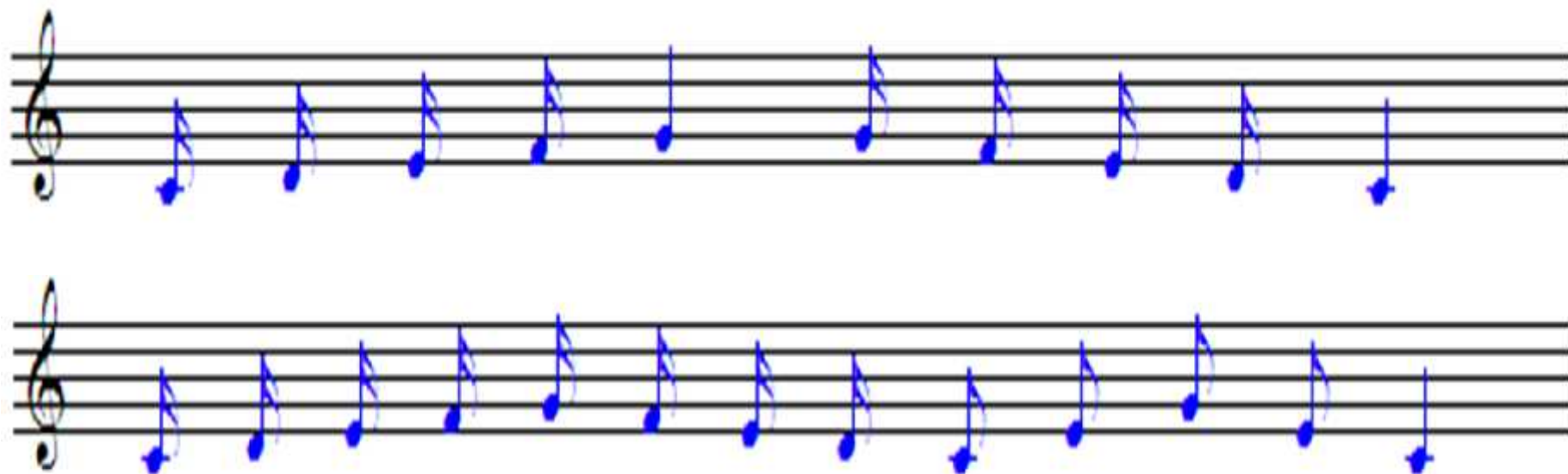
TUẦN 2 – TIẾT 2

Phần 1: Ôn tập bài hát: Mái trường mến yêu

Mời các em luyện thanh



Mời các em luyện thanh



Phần 2: Tập đọc nhạc số 1

Ca ngợi Tổ quốc

**Mời các em nghe giai điệu
bài Tập đọc nhạc số 1**



Phần 2: Tập đọc nhạc số 1



Ca ngợi tổ quốc

Trích

Nhạc và lời : Hoàng Vân

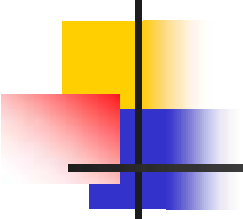
NhANH- OUI



Tương lai đang đón chờ tay em và noi theo bước đàn anh.



Tương lai đang đón chờ tay em đi xây dựng nước nhà.



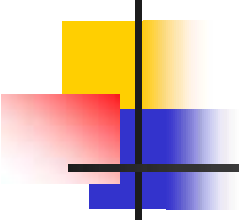
Nhận xét bài TĐN số 1

Về cao độ có các nốt:

Đô – Rê – Mi – Pha – Son.

Về trường độ có các hình nốt:

Móc đơn, nốt đen, nốt trắng.



Phần 3: Cây đàn bầu











Cấu tạo Cây đàn bầu:

1 - Thân đàn: Đàn Bầu hình hộp dài, đầu đàn hơi cao và thuôn hẹp hơn cuối đàn. Mặt đàn bằng gỗ hơi phồng lên, chung quanh thành đàn làm bằng gỗ cứng. Đáy kín nhưng có khoét lỗ vuông ở cuối đàn, dùng để mắc dây và thoát âm.

2 - Vòi đàn (cần đàn): Phía đầu đàn có một cọc tre cắm từ mặt đàn xuống đáy gọi là vòi đàn. Đầu vòi đàn nhỏ dần và uốn cong tròn về phía trái ngoài đầu đàn. Có người vót sừng trâu làm vòi đàn. Trước khi cắm vòi đàn vào mặt đàn, người ta cho nó xuyên ngang qua bầu cộng hưởng.

3 - Bầu cộng hưởng: Là một vỏ cứng của quả bầu, có nơi thay bằng gáo dừa và ngày nay bầu cộng hưởng được làm bằng gỗ. Một sợi dây có độ đàn hồi tốt căng từ đầu của hộp đàn kéo dài tới cần (vòi) đàn chỗ cắm qua vỏ bầu cộng hưởng. Từ nơi mắc dây đến vòi đàn tạo góc 30°. Như vậy là đầu dây mắc chéo xuống chứ không song song với thân đàn như một số nhạc cụ, đặc biệt đàn chỉ duy nhất một dây và không có các phím. Đàn Bầu điện có gắn thêm một bộ phận cảm âm điện tử, nối liền với bộ phận khuếch đại của máy tăng âm và loa.

Cấu tạo Cây đàn bầu:

4 - Dây đàn: Dây kim khí giống dây đàn tranh mắc từ trục lên dây, chui qua một lỗ nhỏ ở cuối mặt đàn, kéo chéo lên buộc vào vòl đàn, chỗ miệng loe của bầu cộng hưởng.

5 - Bộ phận lên dây: Một trục gỗ xuyên ngang hai bên thành đàn (ở phía cuối thân đàn) gắn một bộ phận lên dây bằng kim loại để mắc dây và lên dây. Bộ phận lên dây được cải tiến để dây không bị chùng xuống.

6 - Que gảy đàn: Là một cái que nhỏ, ngắn và nhỏ hơn chiếc đũa, đầu vót nhọn hoặc hơi tròn tùy yêu cầu biểu diễn. Que đàn trước đây làm bằng tre, nay làm bằng cây Giang (họ tre mây). Nếu que gảy cứng quá hay bị vấp, còn mềm quá thì dễ gãy. Que gảy ngắn: tiếng mềm mại, trữ tình khi tremolo ở một bậc cao hay trên cùng một phím thì tiếng đàn nét rõ hơn. Que gảy dài: tiếng thô nhưng khỏe và chắc, đầy đặn. Ngày xưa hay dùng que dài khoảng 10cm, ngày nay với nhiều kỹ thuật diễn tấu nhanh nên người ta hay dùng que ngắn chừng 4-4.5cm.

Cấu tạo Cây đàn bầu:

7 - Bộ phận khuếch đại: Bầu cộng hưởng sau này của Đàn Bầu được thay thế bằng gỗ chứ không bằng ống bương và vỏ quả bầu khô như trước. Một bộ phận cảm âm điện tử được đặt trong đàn, gần chỗ mắc bộ phận lên dây, từ bộ phận cảm âm này sau đó được nối liền vào bộ phận khuếch đại âm thanh điện tử (máy tăng âm và loa) để phát ra tiếng Đàn Bầu. Ngoài đàn bầu tre, ta còn được thấy đàn bầu bằng gỗ, được chạm khắc rất tinh tế và điêu luyện.

Đàn bầu thể hiện một cách thành công những làn điệu dân ca khác nhau của từng vùng, từng miền của dân tộc. Nó còn có thể diễn tấu rất hay những giai điệu của nước ngoài, từ nhạc dân gian đến nhạc nhẹ.

Chính vì sự độc đáo có một không hai của cây đàn bầu mà mỗi khi nhắc đến Việt Nam, nhiều người nước ngoài luôn coi cây Đàn Bầu là biểu tượng của Việt Nam "Đất nước Đàn Bầu". "Quê hương Đàn Bầu". Hay một nhà thơ người Pháp MeRay đã thốt lên: "Cây Đàn Bầu thật giống với con người Việt Nam. Nghèo của cái mà giàu lòng nhân ái, giản dị mà thanh tao, đơn sơ mà phong phú".



Củng cố - Dặn dò

Xem trước bài học tiết 3 (SGK trang 10)

Chúc các em chăm ngoan, học giỏi, hát hay!

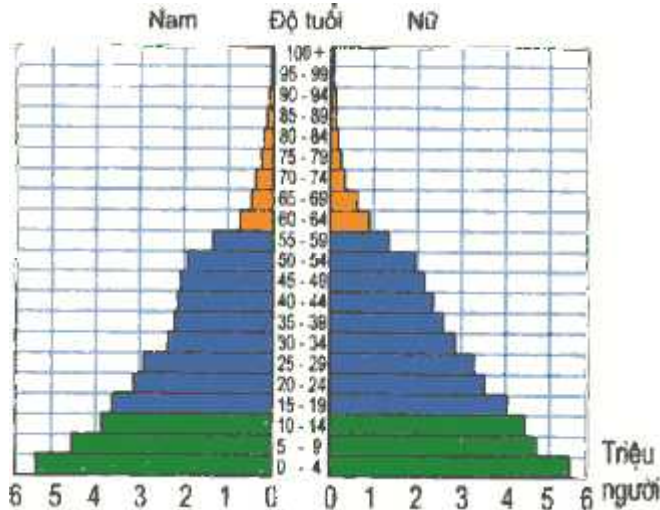


Tuần 1:

BÀI 1: DÂN SỐ

1. Dân số, nguồn lao động:

- Dân số là tổng số người đang sinh sống trên 1 lãnh thổ nhất định và được tính tại một thời điểm cụ thể.
- Các cuộc điều tra dân số cho biết tình hình dân số, nguồn lao động của một địa phương, một quốc gia.
- Dân số được thể hiện bằng 1 tháp tuổi (tháp dân số)



Cấu tạo 1 tháp tuổi: gồm 3 phần

Đáy tháp (0-14 tuổi)

Thân tháp (15-59 tuổi)

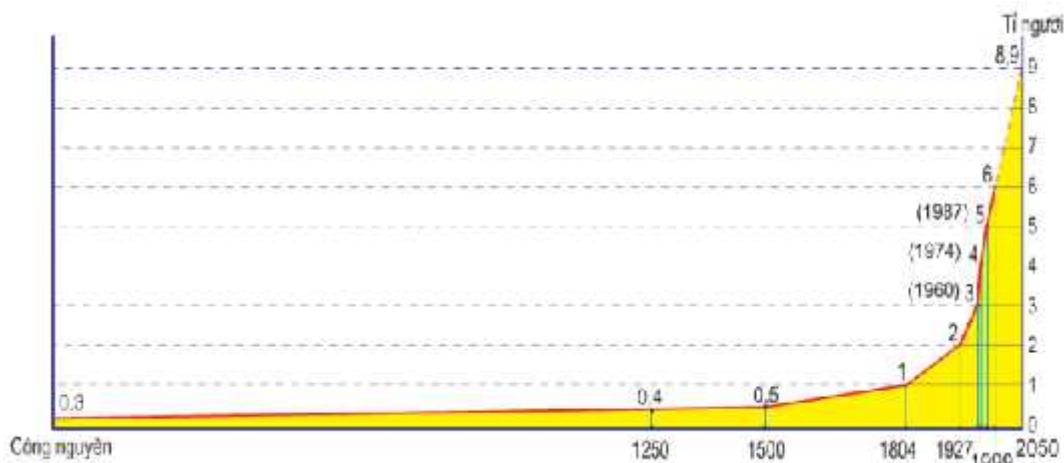
Đỉnh tháp (từ 60 tuổi)

- Tháp tuổi cho biết đặc điểm cụ thể của dân số qua giới tính, độ tuổi, nguồn lao động hiện tại và tương lai ...

⇒ *Dân số là nguồn lao động quý báu của mỗi quốc gia.*

2. Dân số thế giới phát triển nhanh trong thế kỷ XIX và thế kỷ XX

- Trong những năm đầu dân số trên thế giới tăng rất chậm.
- Dân số thế giới tăng nhanh sau thế kỷ 18 (XVIII)



Quan sát lược đồ tình hình gia tăng dân số trên thế giới từ đầu công nguyên đến năm 2050, em hãy nhận xét:

- Dân số thay đổi như thế nào (tăng, giảm như thế nào)?
- Cho biết nguyên nhân?

3. Sự bùng nổ dân số:

Khi nào diễn ra hiện tượng bùng nổ dân số?

⇒ *Khi dân số tăng nhanh, tỉ lệ gia tăng cao hơn 2.1% gọi là bùng nổ dân số.*

Có mấy hình thức gia tăng dân số?

⇒ Có 2 hình thức gia tăng dân số: gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học (cơ giới)

- Sự gia tăng dân số không đều trên thế giới
- Dân số ở các nước phát triển giảm, bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển

Câu hỏi:

- Như thế nào là gia tăng tự nhiên? Cách tính?
- Như thế nào là gia tăng cơ giới? Cách tính?

Bài 2:

SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ. CÁC CHỦNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI

1. Sự phân bố dân cư:

- Câu hỏi:

- + Dựa vào đâu để biết dân số của 1 địa phương, 1 quốc gia đông hay thưa?
- + Mật độ dân số là gì? Được tính như thế nào?
- Mật độ dân số là số dân trung bình sống trên 1 đơn vị diện tích lãnh thổ (đơn vị: người/km²)

$$\text{Mật độ dân số} = \frac{\text{Dân số}}{\text{Diện tích}} \quad (\text{đơn vị: Người/ Km}^2)$$

- Dân cư phân bố không đều trên thế giới
- Dân cư tập trung sinh sống ở những đồng bằng châu thổ ven biển, những đô thị là nơi có khí hậu tốt, kinh tế phát triển, điều kiện sinh sống, giao thông thuận lợi.
- Ngược lại những khu vực núi cao, hải đảo, khu vực khí hậu khắc nghiệt, đi lại khó khăn, kinh tế kém phát triển thì dân cư rất thưa thớt.

2. Các chủng tộc

Tên chủng tộc	Đặc điểm hình thái bên ngoài cơ thể	Địa bàn cư trú chủ yếu
Mônggôlôit	- Da vàng, tóc đen thẳng, mắt đen, mũi tẹt	- Châu á (trừ Trung Đông, Nam á)
Nêgrôit	- Da nâu sậm, đen, tóc đen, xoăn, mũi thấp.	- Châu Mỹ, Châu Đại Dương, Trung âu
Ôrôpêôit	- Da trắng, mắt xanh, tóc vàng, mũi cao	- Châu âu, Tây Nam á, Trung Đông

Bài tập

Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH DÂN SỐ THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2005

Châu lục	Diện tích (triệu km ²)	Dân số (triệu người)
Châu Phi	30,3	906
Châu Mỹ	42,0	888
Châu Á (trừ LB Nga)	31,8	3920

Tính mật độ dân số thế giới và các châu lục?

I. KIẾN THỨC CẦN ĐẠT

1 – Quần cư nông thôn và quần cư đô thị

Nội dung kiến thức học sinh cần đạt:

HS biết khái niệm “ Quần cư” là gì?

Quần cư có tác động đến yếu tố nào của dân cư ở một nơi?

Sự khác biệt giữa 2 loại hình quần cư (nông thôn, thành thị).

2 - Đô thị hoá, siêu đô thị:

Nội dung kiến thức học sinh cần đạt:

Đô thị xuất hiện sớm nhất vào lúc nào? ở đâu?

Xuất hiện đô thị do n/c gì của con người?

Đô thị phát triển nhất khi nào? tại sao ?

II. NỘI DUNG BÀI HỌC

1 – Quần cư nông thôn và quần cư đô thị

có 2 loại hình quần cư: nông thôn và thành thị

Các yếu tố	Quần cư nông thôn	Quần cư đô thị
Cách tổ chức sinh sống	- Nhà cửa xen đồng ruộng, phân tán tập hợp thành làng xóm	- Nhà cửa tập trung cao, tập hợp thành phố, phường
Mật độ dân số	- Mật độ dân số thấp	- Mật độ dân số cao
Lối sống	- Dựa vào truyền thống gia đình, dòng họ, có phong tục tập quán, lễ hội cổ truyền	- Cộng đồng có tổ chức, văn minh, lịch sự, mọi người tuân theo pháp luật.
Hoạt động kinh tế	- Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp	- Sản xuất công nghiệp, dịch vụ

2 - Đô thị hoá, siêu đô thị:

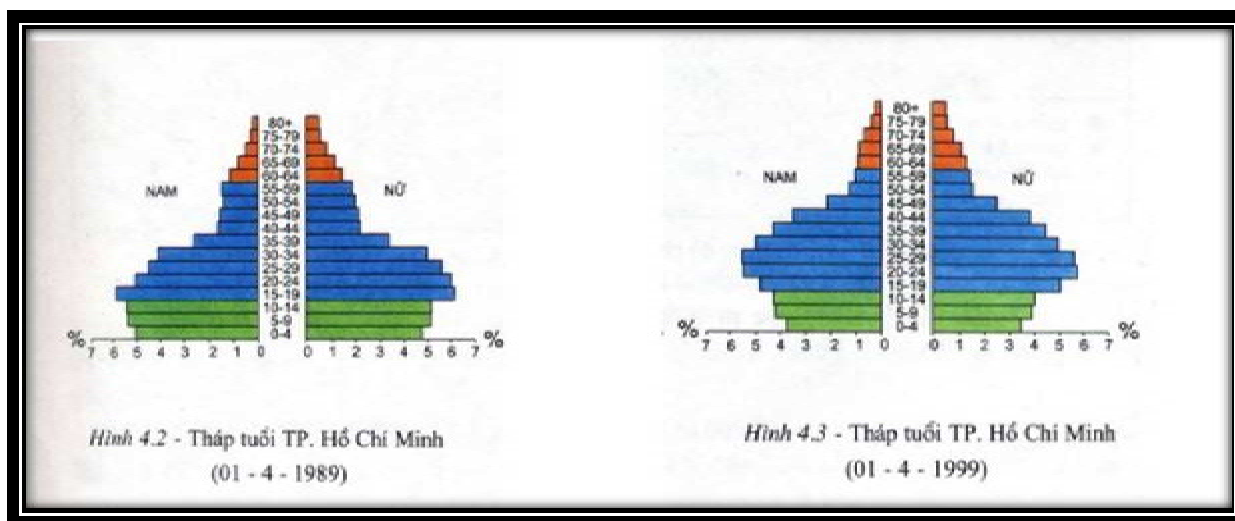
- Đô thị xuất rất sớm và phát triển mạnh nhất ở thế kỷ XIX là lúc công nghiệp phát triển

- Các siêu đô thị ngày càng phát triển ở các nước đang phát triển ở Châu á và Nam Mỹ

BÀI 4: THỰC HÀNH

PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ DÂN SỐ VÀ THÁP TUỔI

1. Bài tập: Phân tích tháp tuổi TP Hồ Chí Minh



Quan sát 2 tháp tuổi và cho HS thảo luận theo yêu cầu

Hình dáng tháp tuổi có gì thay đổi ?

Nhóm tuổi nào tăng về tỉ lệ? Nhóm tuổi nào giảm về tỉ lệ ?

Qua đó, nhận xét gì về tình hình phát triển dân số TP Hồ Chí Minh sau 10 năm ?

2. Bài giải;

- Hình dáng có sự thay đổi thân rộng ra và đáy hẹp đi
- Nhóm tuổi lao động tăng về tỉ lệ, Nhóm tuổi dưới tuổi lao động giảm về tỉ lệ
- Dân số TP Hồ chí Minh có xu hướng già đi

Bài 1: SỐNG GIẢN DỊ

I/ Khai thác truyện đọc.

“Bác Hồ trong ngày Tuyên ngôn độc lập”

II/ Nội dung bài học:

1) Sống giản dị:

- Là sống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của bản thân, gia đình và xã hội.

* **Biểu hiện** : không xa hoa, lãng phí, không chạy theo những nhu cầu vật chất và hình thức bề ngoài.

*** Trái với giản dị :**

- Xa hoa, lãng phí, cầu kỳ, qua loa, tùy tiện, nói năng bộc lốc, trông không...

2) Ý nghĩa:

- Là phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi người.

- Sống giản dị sẽ được mọi người yêu mến, cảm thông, giúp đỡ.

3) Rèn luyện:

- Lời nói : Dễ hiểu, thân mật, chân thật.

- Thái độ: Cởi mở, chan hòa...

III. Bài tập:

Bài 1 (SGK)

- Bức tranh 3: Thể hiện tính giản dị của HS khi đến trường.

Bài 2 (SGK)

- Biểu hiện giản dị: 2,5.

- Việc làm của Hoa xa hoa, lãng phí, không phù hợp với điều kiện của bản thân.

Tiết 2 – Bài 2
TRUNG THỰC

I. Truyện đọc: «Sự công minh, chính trực của một nhân tài » SGK/6.

II. Nội dung bài học

a. Trung thực

- Luôn tôn trọng sự thật, chân lí, lẽ phải.

*/ Biểu hiện :

- Ngay thẳng, thật thà, dũng cảm nhận lỗi khi mình mắc khuyết điểm.

b. Ý nghĩa :

- Sống trung thực giúp ta nâng cao phẩm giá.

- Làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội được mọi người tin yêu, kính trọng.

III/ Bài tập :

Bài 1: 4,5,6 thể hiện tính trung thực.

Bài 2: Việc làm của người thầy thuốc xuất phát từ tấm lòng nhân đạo, luôn mong muốn bệnh nhân sống lạc quan để có nghị lực hy vọng chiến thắng bệnh tật.- Việc làm của Hoa xa hoa, lãng phí, không phù hợp với điều kiện của bản thân.

Ngày

Chương I: Quang Học

Tuần 1, tiết 1

Bài 1: **NHẬN BIẾT ÁNH SÁNG – NGUỒN SÁNG VÀ VẬT SÁNG**

I. NHẬN BIẾT ÁNH SÁNG

1. Quan sát hiện tượng

- Mắt nhận biết ánh sáng trong trường hợp: 2 và 3

2. Kết luận

- Mắt ta nhận biết ánh sáng khi có ...**ánh sáng** truyền vào mắt ta.

II. NHÌN THẤY MỘT VẬT

1. Quan sát thí nghiệm

- Mắt nhìn thấy mảnh giấy trắng trong trường hợp đèn sáng.

2. Kết luận

- Mắt ta nhìn thấy một vật khi có **ánh sáng từ vật đó** truyền vào mắt ta.

III. NGUỒN SÁNG – VẬT HẮT SÁNG – VẬT SÁNG

1. Quan sát thí nghiệm (C3/Tr 5)

- Vật tự phát ra ánh sáng: là dây tóc bóng đèn đang sáng.
→ ...Dây tóc đang phát sáng là nguồn sáng
- Vật hắt lại ánh sáng từ vật khác: ...là mảnh giấy trắng
→ ...Mảnh giấy trắng là vật hắt sáng
- Cả hai vật dây tóc đang sáng...và mảnh giấy trắng gọi là vật sáng.

2. Kết luận

- **Nguồn sáng** là vật tự phát ra ...**ánh sáng**...
- Nguồn sáng gồm 2 loại: **nguồn sáng tự nhiên** và **nguồn sáng nhân tạo**.

Ví dụ: ...Mặt Trời, đèn pin đang phát sáng...

.....

- **Vật hắt sáng** là vật hắt lại.. ánh sáng chiếu vào nó.

Ví dụ: ...Quyển sách, cái bàn....

.....
- **Vật sáng** gồm nguồn sáng và ...vật hắt lại ánh sáng chiếu vào nó...

Ví dụ: ...Cây nến đang cháy, quyển tập.

.....
IV. VẬN DỤNG

C4. Bạn Thanh đúng. Vì ánh sáng từ đèn pin không truyền vào mắt.

C5. Khói gồm những hạt li ti. Khi ánh sáng từ đèn pin chiếu vào các hạt khói này nhận được ánh sáng sẽ trở thành vật sáng., hắt lại ánh sáng đó vào mắt. Nhiều vật sáng nằm cạnh nhau trở thành vật sáng.

Dặn dò:

- **Học câu:***trang*.....
 - **Làm câu:**.....*trang*.....
 - **Soạn bài mới.**
-

Ngày

Tuần 2-3, tiết 2-3

Bài 2-3: SỰ TRUYỀN ÁNH SÁNG
MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA ĐỊNH LUẬT TRUYỀN THẲNG
CỦA ÁNH SÁNG

I. ĐƯỜNG TRUYỀN CỦA ÁNH SÁNG

1. Thí nghiệm

C1. Ánh sáng truyền đến mắt theo ống thẳng

C2. Di chuyển ba tấm bìa sao cho ba lỗ nằm trên một...đường thẳng
Dùng que thẳng để kiểm tra.

2. Kết luận

- Đường truyền của ánh sáng trong không khí là đường**thẳng**.

3. Định luật truyền thẳng của ánh sáng:

- Trong môi trường **trong suốt và đồng tính** ánh sáng truyền đi theo **đường thẳng**.

II. TIA SÁNG – CHÙM SÁNG

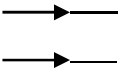
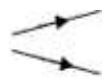
1. Tia sáng

- Đường truyền của ánh sáng được biểu diễn bằng một **đường thẳng** có **hướng** gọi là tia sáng.



2. Chùm sáng

- Trong thực tế, ta không thể nhìn thấy một tia sáng mà chỉ nhìn thấy

Chùm sáng song song	Chùm sáng hội tụ	Chùm sáng phân kì
 Gồm các tia sáng không giao nhau..trên đường truyền của chúng.	 Gồm các tia sáng giao nhau trên đường truyền của chúng.	 Gồm các tia sáng loe rộng ra trên đường truyền của chúng.

chùm sáng gồm rất nhiều tia sáng hợp thành.

C3:

VẬN DỤNG (Tự học có hướng dẫn)

C4. Thực hiện thí nghiệm như hình 2.1 SGK

C5. B1. Cắm hai cái kim thẳng đứng trên một tờ giấy. Dùng mắt ngắm sao cho chỉ nhìn thấy cây kim thứ nhất. Khi đó cái kim thứ nhất che khuất.cái kim thứ hai.

B2: Di chuyển cái kim thứ ba đến vị trí sao cho kim thứ nhất che khuất kim thứ 3. Ánh sáng truyền đi theo đường thẳng nên nếu kim thứ nhất nằm trên đường thẳng nối kim thứ hai và kim thứ ba và mắt thì ánh-sáng từ kim thứ hai và thứ ba không truyền đến được mắt, hai kim này bị ...kim thứ nhất. che khuất.

Ngày

Chương I: Quang Học

Tuần 1, tiết 1

Bài 1: **NHẬN BIẾT ÁNH SÁNG – NGUỒN SÁNG VÀ VẬT SÁNG**

I. NHẬN BIẾT ÁNH SÁNG

1. Quan sát hiện tượng

- Mắt nhận biết ánh sáng trong trường hợp: 2 và 3

2. Kết luận

- Mắt ta nhận biết ánh sáng khi có ...**ánh sáng** truyền vào mắt ta.

II. NHÌN THẤY MỘT VẬT

1. Quan sát thí nghiệm

- Mắt nhìn thấy mảnh giấy trắng trong trường hợp đèn sáng.

2. Kết luận

- Mắt ta nhìn thấy một vật khi có **ánh sáng từ vật đó** truyền vào mắt ta.

III. NGUỒN SÁNG – VẬT HẮT SÁNG – VẬT SÁNG

1. Quan sát thí nghiệm (C3/Tr 5)

- Vật tự phát ra ánh sáng: là dây tóc bóng đèn đang sáng.
→ ...Dây tóc đang phát sáng là nguồn sáng
- Vật hắt lại ánh sáng từ vật khác: ...là mảnh giấy trắng
→ ...Mảnh giấy trắng là vật hắt sáng
- Cả hai vật dây tóc đang sáng...và mảnh giấy trắng gọi là vật sáng.

2. Kết luận

- **Nguồn sáng** là vật tự phát ra ...**ánh sáng**...
- Nguồn sáng gồm 2 loại: **nguồn sáng tự nhiên** và **nguồn sáng nhân tạo**.

Ví dụ: ...Mặt Trời, đèn pin đang phát sáng...

.....

- **Vật hắt sáng** là vật hắt lại.. ánh sáng chiếu vào nó.

Ví dụ: ...Quyển sách, cái bàn....

.....
- **Vật sáng** gồm nguồn sáng và ...vật hắt lại ánh sáng chiếu vào nó...

Ví dụ: ...Cây nến đang cháy, quyển tập.

.....
IV. VẬN DỤNG

C4. Bạn Thanh đúng. Vì ánh sáng từ đèn pin không truyền vào mắt.

C5. Khói gồm những hạt li ti. Khi ánh sáng từ đèn pin chiếu vào các hạt khói này nhận được ánh sáng sẽ trở thành vật sáng., hắt lại ánh sáng đó vào mắt. Nhiều vật sáng nằm cạnh nhau trở thành vật sáng.

Dặn dò:

- **Học câu:***trang*.....
 - **Làm câu:**.....*trang*.....
 - **Soạn bài mới.**
-

Ngày

Tuần 2-3, tiết 2-3

Bài 2-3: SỰ TRUYỀN ÁNH SÁNG
MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA ĐỊNH LUẬT TRUYỀN THẲNG
CỦA ÁNH SÁNG

I. ĐƯỜNG TRUYỀN CỦA ÁNH SÁNG

1. Thí nghiệm

C1. Ánh sáng truyền đến mắt theo ống thẳng

C2. Di chuyển ba tấm bìa sao cho ba lỗ nằm trên một...đường thẳng
Dùng que thẳng để kiểm tra.

2. Kết luận

- Đường truyền của ánh sáng trong không khí là đường**thẳng**.

3. Định luật truyền thẳng của ánh sáng:

- Trong môi trường **trong suốt và đồng tính** ánh sáng truyền đi theo **đường thẳng**.

II. TIA SÁNG – CHÙM SÁNG

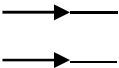
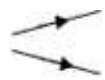
1. Tia sáng

- Đường truyền của ánh sáng được biểu diễn bằng một **đường thẳng** có **hướng** gọi là tia sáng.



2. Chùm sáng

- Trong thực tế, ta không thể nhìn thấy một tia sáng mà chỉ nhìn thấy

Chùm sáng song song	Chùm sáng hội tụ	Chùm sáng phân kì
 Gồm các tia sáng không giao nhau trên đường truyền của chúng.	 Gồm các tia sáng giao nhau trên đường truyền của chúng.	 Gồm các tia sáng loe rộng ra trên đường truyền của chúng.

chùm sáng gồm rất nhiều tia sáng hợp thành.

C3:

VẬN DỤNG (Tự học có hướng dẫn)

C4. Thực hiện thí nghiệm như hình 2.1 SGK

C5. B1. Cắm hai cái kim thẳng đứng trên một tờ giấy. Dùng mắt ngắm sao cho chỉ nhìn thấy cây kim thứ nhất. Khi đó cái kim thứ nhất che khuất cái kim thứ hai.

B2: Di chuyển cái kim thứ ba đến vị trí sao cho kim thứ nhất che khuất kim thứ 3. Ánh sáng truyền đi theo đường thẳng nên nếu kim thứ nhất nằm trên đường thẳng nối kim thứ hai và kim thứ ba và mắt thì ánh sáng từ kim thứ hai và thứ ba không truyền đến được mắt, hai kim này bị ...kim thứ nhất. che khuất.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LAM SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TẬP MÔN MỸ THUẬT
KHỐI 7 – tuần 1 (6/9/2021 đến 11/9/2022)
Năm học: 2021 – 2022

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ 1 : MỸ THUẬT THỜI TRẦN TUẦN 1 – BÀI 1 : SƠ LƯỢC VỀ MỸ THUẬT THỜI TRẦN	
Hoạt động 1: Khái quát về bối cảnh XH thời Trần a. Mục tiêu: giúp học sinh tìm hiểu khái quát về bối cảnh XH thời Trần b. Nội dung: quan sát, trực quan, vấn đáp gợi mở, luyện tập. Giao nhiệm vụ , KT hỏi-đáp, KT công não, KT mảnh ghép. c.Sản phẩm: HS nêu Khái quát về bối cảnh XH thời Trần d. Tổ chức thực hiện:	Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Tìm hiểu khái quát vài nét về bối cảnh XH thời Trần ? Nêu những biến động của xã hội Việt Nam vào đầu thế kỉ XIII ? Tình hình KT-XH có gì thay đổi ? Thời Trần có sự kiện gì đặc biệt ? Một số tác phẩm điển hình ở mỗi thời loại? ? Bối cảnh lịch sử ở thời Trần có những nét gì nổi bật? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện các yêu cầu của GV Bước 3: Báo cáo thảo luận HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét

	Bước 4: Kết luận nhận định Giáo viên nhận xét và chốt kiến thức
Hoạt động 2: Khái quát về mỹ thuật thời Trần a. Mục tiêu: giúp học sinh tìm hiểu khái quát về mỹ thuật thời Trần b. Nội dung: quan sát, trực quan, vấn đáp gợi mở, luyện tập. Giao nhiệm vụ , KT hỏi-đáp, KT công não, KT mảnh ghép. c. Sản phẩm: HS nêu Khái quát về mỹ thuật thời Trần d. Tổ chức thực hiện	Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>? Quan sát vào những h/ả trong SGK hãy cho biết ở thời Trần những loại hình NT nào được phát triển?</i> <i>? Thành tựu kiến trúc cung đình?</i> *Dự kiến tình huống phát sinh Liên hệ về mỹ thuật thời Lý - Quê hương vua thời Lý ở đâu ? ? Vậy quê hương các vị vua Trần ở đâu? -Nam Định ? Kể tên một số công trình kiến trúc? ? Kiến trúc Phật giáo có đặc điểm gì? ? Tại sao nói MT thời Trần là sự nối tiếp của MT thời Lý? ? Điều khắc thời Trần được thể hiện trên những chất liệu gì? ? Đặc điểm về nghệ thuật điêu khắc của thời Trần? ? So sánh đặc điểm giữa hình ảnh rồng Lý - Trần? <i>? Đặc điểm về chạm khắc trang trí?</i> <i>? Hãy kể tên 1 số tác phẩm chạm khắc trang trí thời Trần?</i> <i>? Nhận xét gì về gốm thời Trần?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện các yêu cầu của GV

	Bước 3: Báo cáo thảo luận HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận nhận định Giáo viên nhận xét và chốt kiến thức
Hoạt động 3: Đặc điểm của mỹ thuật thời Trần a. Mục tiêu: giúp học sinh tìm hiểu Đặc điểm của mỹ thuật thời Trần b. Nội dung: quan sát, trực quan, vấn đáp gợi mở, luyện tập. Giao nhiệm vụ , KT hỏi-đáp, KT công não, KT mảnh ghép. c.Sản phẩm: HS nêu Khái quát về Đặc điểm của mỹ thuật thời Trần d.Tổ chức thực hiện	Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giới thiệu đặc điểm của MT thời Trần. - Cho HS tóm tắt lại đặc điểm chính của các loại hình nghệ thuật. Qua đó rút ra đặc điểm chính của MT thời Trần. - Tóm tắt tìm ý chính Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện các yêu cầu của GV Bước 3: Báo cáo thảo luận HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét Bước 4: Kết luận nhận định Giáo viên nhận xét và chốt kiến thức

-Nội dung ghi tập	Các em ghi vào tập những nội dung sau: CHỦ ĐỀ 1 : MỸ THUẬT THỜI TRẦN Tuần 1 – Bài 2 : Sơ lược về Mỹ thuật thời Trần (1226-1400) I. Khái quát về bối cảnh XH thời Trần II. Khái quát về mỹ thuật thời Trần 1. Kiến trúc: 1.1.Kiến trúc cung đình 1.2.Kiến trúc phật giáo 2. Điêu khắc và trang trí: 3. Đồ gốm. III. Đặc điểm của mỹ thuật thời Trần - Mỹ thuật thời Trần mang dáng dấp chắc khỏe, phóng khoáng, cách tạo hình mập mạp và giàu tính dân tộc.
5. Hoạt động tìm tòi mở rộng	Dẫn dò: - Học và trả lời theo các câu hỏi trong sgk. - Chuẩn bị cho bài 2: Một số công trình Mỹ thuật thời Trần

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TẬP MÔN MỸ THUẬT

KHỐI 7 – tuần 2 (11/9/2021 đến 16/9/2022)

Năm học: 2021 – 2022

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ 1 : MỸ THUẬT THỜI TRẦN	

TUẦN 2 – BÀI 2 : MỘT SỐ CÔNG TRÌNH MỸ THUẬT THỜI TRẦN

Hoạt động 1:

-Tìm hiểu một vài nét về công trình kiến trúc thời Trần:

Hoạt động 1: (15')

Tìm hiểu một vài nét về công trình kiến trúc thời Trần:

- GV nêu yêu cầu, HS hoạt động theo nhóm

? Kiến trúc thời Trần được thể hiện thông qua những công trình nào?

? Tháp bình Sơn thuộc loại kiến trúc nào?

? Nêu đặc điểm của Tháp Bình Sơn?

? Nêu đặc điểm của tháp Chùa?

? Cấu trúc của chùa tháp?

? Khu lăng mộ An Sinh thuộc loại kiến trúc nào?

? Nêu những đặc điểm của khu lăng mộ An Sinh

Hoạt động 2 : -Hình thành kiến thức mới	<u>Hoạt động 2:</u> (15') PP : quan sát, trực quan, vấn đáp gợi mở, luyện tập. KT: Giao nhiệm vụ , KT hỏi-đáp, KT công não, KT mảnh ghép. Điều khắc và phù điêu trang trí ? Khu lăng mộ Trần Thủ Độ được xây dựng từ năm nào ở đâu? ? Nêu đặc điểm của "Tượng Hổ" ? Tại sao ở đây lại lấy hình tượng nhân vật là con hổ? Nó có ý nghĩa như thế nào? ? Nêu giá trị nghệ thuật của "tượng Hổ" ? Chùa Thái lạc được xây dựng từ khi nào? ? Nội dung của những bức chạm khắc ? Bố cục của những bức chạm khắc đó như thế nào? ? Đặc điểm của những bức chạm khắc đó?
Hoạt động 3: Luyện tập-Vận dụng	? Các công trình kiến trúc thời Trần có đặc điểm gì? ? Hình tượng con hổ trước lăng TTĐ nói lên điều gì? em có nhận xét gì về nghệ thuật điêu khắc và trang trí thời Trần? - Gv nhận xét các câu trả lời và củng cố nội dung bài học.. ? Chùa Thái lạc được xây dựng từ khi nào?

Nội dung ghi tập	Các em ghi vào tập những nội dung sau: CHỦ ĐỀ 1 : MỸ THUẬT THỜI TRẦN Tuần 1 – Bài 1 : Một số công trình Mỹ thuật thời Trần (1226-1400) 1.Kiến trúc: 1.1.Tháp bình sơn 1.2.Khu lăng mộ an sinh 2.Điêu khắc 2.1.Tượng hồ ở lăng Trần Thủ Độ 2.2.Chạm khắc gỗ ở chùa Thái lạc (Hưng Yên)
5. Hoạt động tìm tòi mở rộng	-Dẫn dò: - Học và trả lời theo các câu hỏi trong sgk. - Chuẩn bị cho bài 3. Mẫu vật cái cốc và quả,giấy vẽ,chì tẩy.

HS GHI CHÉP CÁC CÂU HỎI THẮC MẮC, CÁC TRỞ NGẠI KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC TẬP VÀ GỬI VỀ CHO GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mỹ thuật	Mục A:	1.

	Phần B:	2. 3.
--	--------------	----------

Lam son, Ngày 06/09/2021

Giáo viên hướng dẫn

TRẦN THANH TRÚC

TUẦN 2

CHỦ ĐỀ 2: NGÀNH ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH

(5 tiết)

BÀI 3 THỰC HÀNH :QUAN SÁT MỘT SỐ ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH

(Vẽ hình 3.1 trang 14 và hình 3.3 trang 15 SGK vào trong tập)

BÀI 4 TRÙNG ROİ

I.DINH DƯỠNG

- Trùng roi vừa dị dưỡng vừa dị dưỡng
- Hô hấp qua màng cơ thể
- Bài tiết và điều chỉnh áp suất thẩm thấu nhờ không bài co bóp.

II.SINH SẢN

- Sinh sản vô tính bằng cách phân đôi
- Nhân phân chia trước,tiếp theo là chất nguyên sinh và các bào quan.

III.TẬP ĐOÀN TRÙNG ROİ

- Gồm nhiều tế bào có roi liên kết tạo thành
- Cho thấy mối quan hệ về nguồn gốc giữa động vật đơn bào và động vật đa bào.

Dẫn dò

Ghi chép nội dung và làm câu hỏi và bài tập cuối bài vào trong tập đầy đủ.

TUẦN 1

CHỦ ĐỀ 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (2 tiết)

BÀI 1-THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT ĐA DẠNG VÀ PHONG PHÚ

I.ĐA DẠNG LOÀI VÀ PHONG PHÚ VỀ SỐ LƯỢNG CÁ THỂ

- Thế giới động vật rất đa dạng và phong phú với khoảng 1,5 triệu loài đã được phát hiện.
- Độ đa dạng không chỉ ở số lượng loài mà còn thể hiện ở số lượng cá thể.

II.ĐA DẠNG VỀ MÔI TRƯỜNG SỐNG

- Động vật phân bố ở nhiều môi trường sống khác nhau:
 - +Môi trường nước :Tôm,cá,mực,...
 - +Môi trường trên cạn: Báo,hổ,chó,mèo,...
 - +Môi trường trên không: Đại bàng,diều hâu,...
- Các loài động vật có đặc điểm cơ thể thích nghi với điều kiện sống môi trường của chính nó.

BÀI 2 - PHÂN BIỆT ĐỘNG VẬT VÀ THỰC VẬT-ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỘNG VẬT

I.PHÂN BIỆT ĐỘNG VẬT VÀ THỰC VẬT

- Giống nhau: Đều có cấu tạo từ tế bào,có sinh trưởng và sinh sản
- Khác nhau :

Thực vật	Động vật
-Có màng xenlulôzơ -Không có cơ quan di chuyển, hệ thần kinh và các giác quan -Tự tổng hợp chất hữu cơ để nuôi cơ thể	-Không có màng xenlulôzơ -Có cơ quan di chuyển,hệ thần kinh và các giác quan -Sử dụng các chất hữu cơ có sẵn

II.ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐỘNG VẬT

- Có khả năng di chuyển
- Có hệ thần kinh và giác quan
- Dị dưỡng (sử dụng chất hữu cơ có sẵn)

III.SƠ LƯỢC PHÂN CHIA GIỚI ĐỘNG VẬT

- Giới động vật được phân thành ngành động vật không có xương sống và ngành động vật có xương sống.

IV.VAI TRÒ CỦA ĐỘNG VẬT

- Động vật có ích : + Cung cấp thực phẩm,nguyên liệu (da,thịt,cá,...)
- +Dùng trong nghiên cứu khoa học
- + Hỗ trợ con người trong lao động,vui chơi,giải trí,an ninh,...
- Động vật có hại :
 - +Truyền bệnh cho con người,phá hoại cây trồng,...

Câu hỏi và bài tập

- Câu 1: Hãy kể tên các loài động vật có ở địa phương em ? Chúng có đa dạng và phong phú không?
- Câu 2: Là học sinh,em phải làm gì để thế giới động vật mãi đa dạng và phong phú?
- Câu 3: Nêu các đặc điểm chung của động vật ?
- Câu 4: Hãy cho biết vai trò của động vật đối với đời sống con người ?

Dẫn dò:

Ghi chép nội dung và làm phần câu hỏi và bài tập đầy đủ vào trong tập.

Bài 2: SỰ SUY VONG CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN VÀ SỰ HÌNH THÀNH CHỦ NGHĨA TƯ BẢN Ở CHÂU ÂU

1. Những cuộc phát kiến lớn về địa lí

* Nguyên nhân:

- Do sản xuất phát triển → nảy sinh nhu cầu về nguyên liệu, thị trường.

* Các cuộc phát kiến lớn về địa lí

* Học SGK/6.

* Kết quả:

- Tìm ra con đường mới, vùng đất mới, dân tộc mới.

- Thúc đẩy công thương nghiệp Châu Âu phát triển, đem lại cho giai cấp tư sản châu Âu món lợi lớn.

* Ý nghĩa: Là cuộc cách mạng khoa học vĩ đại mở đường cho sự phát triển của văn hóa Châu Âu và nhân loại.

2. Sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.

Quý tộc và thương nhân châu Âu có vốn, lao động làm thuê -> lập xưởng, công ty, đồn điền → xuất hiện 2 giai cấp → tư sản
vô sản

=> Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành.

CÂU HỎI

Câu 1. Các cuộc phát kiến địa lí có tác động như thế nào đến xã hội châu Âu?

Câu 2. Giai cấp tư sản và vô sản được hình thành từ tầng lớp nào trong xã hội phong kiến châu Âu?

Phần một
KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI

Bài 1
**SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI PHONG
KIẾN Ở CHÂU ÂU**
(Thờ sơ -trung kì trung đại)

1. Sự hình thành xã hội phong kiến ở Châu Âu:

- Cuối thế kỉ V, người Giéc man xâm chiếm lãnh thổ đế quốc Rô-ma và lập nhiều quốc gia mới.

- Quý tộc, tướng lĩnh người Giéc man được phong tước ban cấp ruộng đất → lãnh chúa Nô lệ được giải phóng và nông dân mất ruộng → nông nô.

=> Xã hội phong kiến ở Châu Âu hình thành.

2. Lãnh địa phong kiến

* Diện mạo:

Đất đai, lâu đài, nhà cửa

* Đời sống lãnh địa:

+ Lãnh chúa: Sống xa hoa, đầy đủ.

+ Nông nô: sống nghèo khổ, phụ thuộc.

* Kinh tế:

- Nông nghiệp tự cung tự cấp.

3. Sự xuất hiện các thành thị trung đại:

Cuối thế kỉ XI, hàng thủ công nhiều, thợ thủ công cần buôn bán trao đổi, thành thị ra đời.

* Cư dân: thợ thủ công, thương nhân.

* Kinh tế: thủ công nghiệp, thương nghiệp

CÂU HỎI

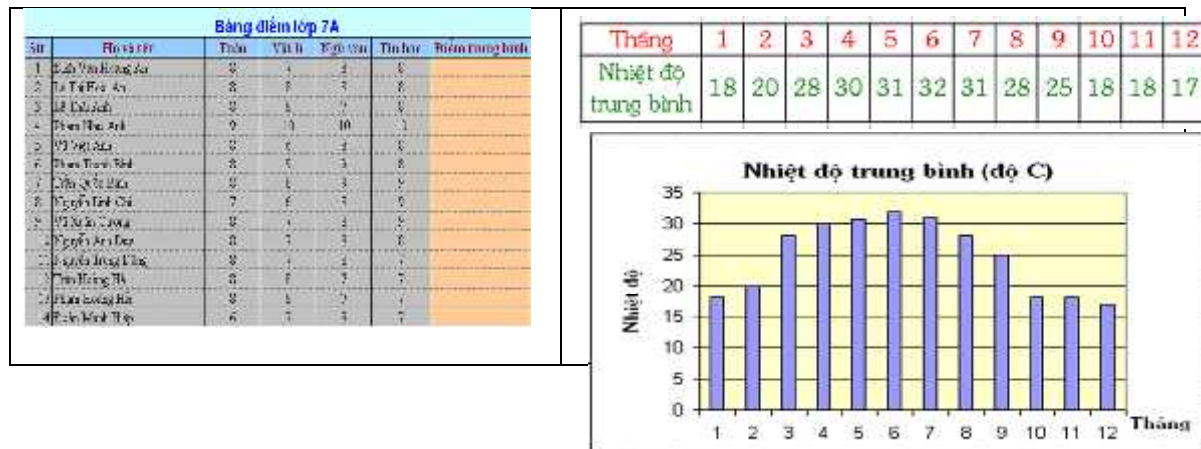
Câu 1. Khi tràn vào lãnh thổ Rô-ma, người Giéc man đã làm gì? Những việc làm ấy có tác động như thế nào đến như thế nào đến sự hình thành xã hội phong kiến ở châu Âu?

Câu 2. Vì sao xuất hiện thành thị trung đại? Nền kinh tế trong thành thị có điểm gì khác với nền kinh tế lãnh địa?

Bài 1: CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH LÀ GÌ?

1. Bảng và nhu cầu xử lí thông tin dạng bảng

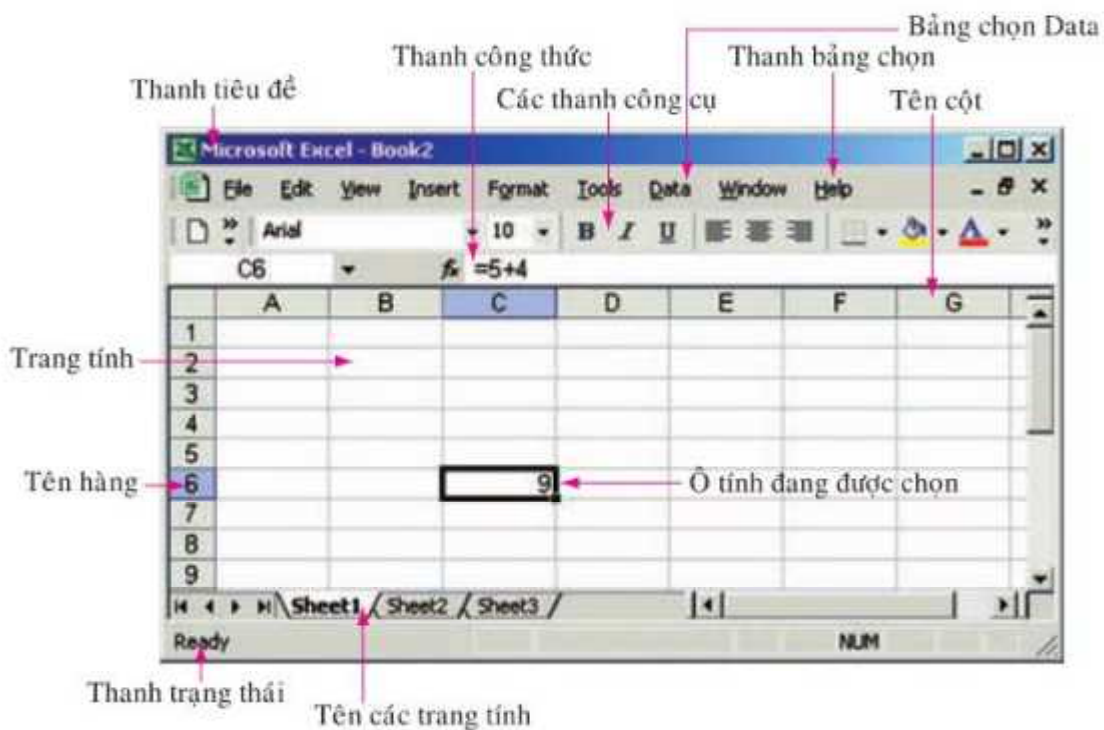
Ví dụ:



Chương trình bảng tính là phần mềm được thiết kế để giúp ghi lại và trình bày thông tin dạng bảng, thực hiện các tính toán, xây dựng biểu đồ biểu diễn trực quan số liệu có trong bảng.

2. Màn hình làm việc của Excel

Màn hình làm việc của chương trình bảng tính Excel như hình 4.



a/ Trang tính

✎ Trang tính được chia thành các hàng và các cột, là miền làm việc chính của bảng tính. Vùng giao nhau giữa một cột và một hàng là ô tính (còn gọi tắt là ô) dùng để chứa dữ liệu.

Trang tính	Tên trang tính: Sheet1, Sheet2, Sheet3,...
	Tên cột: A, B, C,...
	Tên hàng: 1, 2, 3,...
	Ô Tính: A1, A2, B1,...

b/ Thanh công thức: Dùng để nhập, hiển thị dữ liệu hoặc công thức ô tính.

c/ Các dải lệnh Formular (công thức) và Data (dữ liệu): Dùng để thực hiện các phép tính với các số và xử lý dữ liệu.

3. Nhập dữ liệu vào trang tính

a/ Nhập dữ liệu:

- Chọn một ô
- Nhập dữ liệu vào ô từ bàn phím
- Nhấn phím Enter

b/ Sửa dữ liệu:

- Nháy đúp chuột vào ô cần sửa dữ liệu
- Thực hiện các thao tác sửa dữ liệu
- Nhấn phím Enter

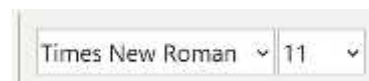
✎ *Chú ý: Dữ liệu là thông tin được nhập vào và lưu trữ trong các ô tính.*

c/ Gõ chữ viết trên trang tính

b1. Mở Unikey lên chọn như hình và thao tác theo số 1, 2, 3 trên hình



B2/ Trong màn hình excel em cho Font chữ, size chữ



- Xem trước nội dung bài học tiếp theo: BTH 1: Làm quen với Excel.

Bài thực hành 1:

LÀM QUEN VỚI CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH EXCEL

1. Khởi động, lưu kết quả và thoát khỏi Excel

a) Khởi động

- C1: Start -> Program -> Microsoft Excel.
- C2: Nháy đúp vào biểu tượng của Excel trên màn hình nền.

b) Lưu kết quả

- C1: File -> Save
- C2: Nháy chuột vào biểu tượng Save trên thanh công cụ.

c) Thoát khỏi Excel

- C1: Nháy chuột vào nút ô vuông (gạch chéo ở giữa).
- C2: File -> Exit

2. Bài tập

a) Bài tập 1: Khởi động Excel

- Liệt kê các điểm giống và khác nhau giữa màn hình Word và Excel.
- Mở các bảng chọn và quan sát các lệnh trong các bảng chọn đó.
- Kích hoạt một ô tính và thực hiện di chuyển trên trang tính bằng chuột và bàn phím. Quan sát sự thay đổi các nút tên hàng và tên cột.

b) Bài tập 2

SGK trang 11

c) Bài tập 3

Học sinh thực hành khởi động Excel , nhập dữ liệu

Lưu ý Gõ chữ Việt trên trang tính,

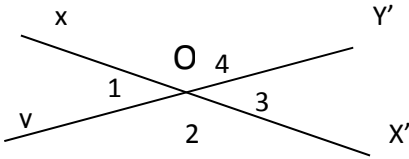
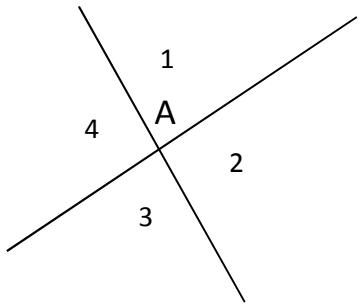
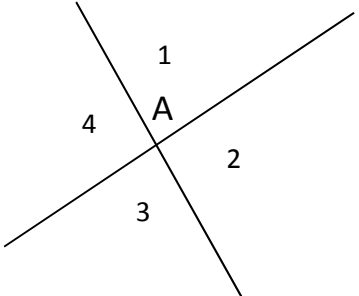
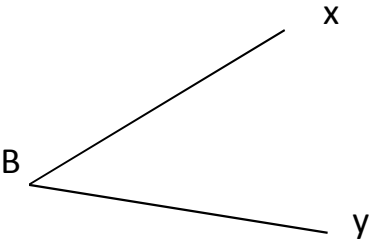
	A	B	C	D	E
1	Bảng điểm lớp 7A				
2	STT	Họ và tên			
3	1	Đinh Văn Hoàng An			
4	2	Lê Thị Hoài An			
5	3	Lê Thái Anh			
6	4	Phạm Như Thanh			
7	5	Vũ Việt Anh			
8	6	Phạm Thanh Bình			
9	7	Trần Quốc Bình			
10	8	Nguyễn Linh Chi			
11	9	Vũ Xuân Cường			
12	10	Trần Quốc Đạt			
13	11	Nguyễn Anh Duy			
14	12	Nguyễn Trung Dũng			

Lưu bảng tính với tên Danh_sach_lop_em và thoát khỏi Excel

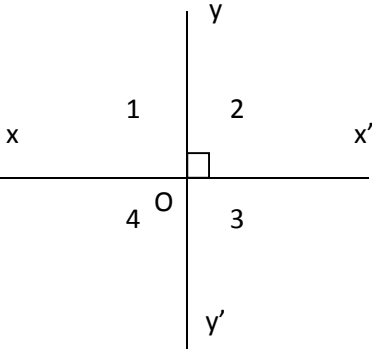
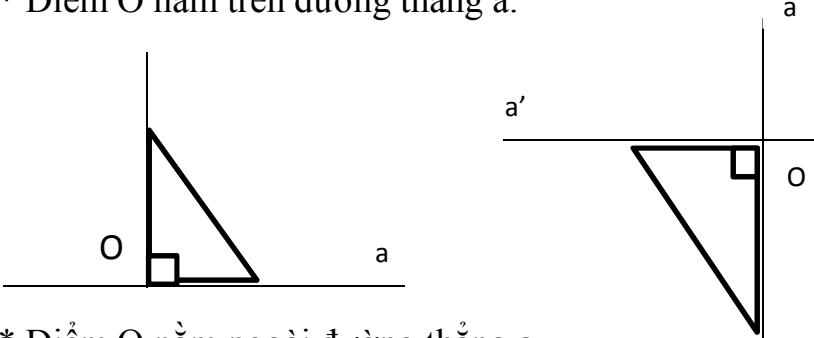
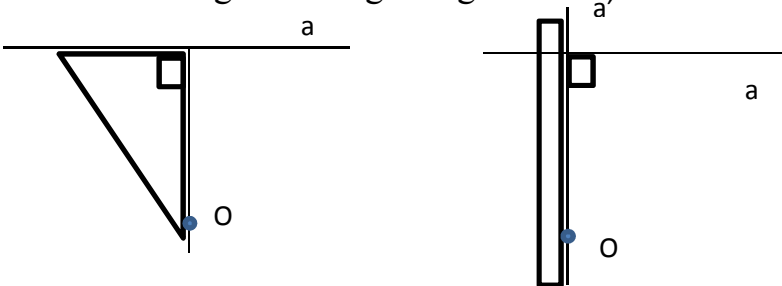
CHỦ ĐỀ 2 HÌNH HỌC

HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH- HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

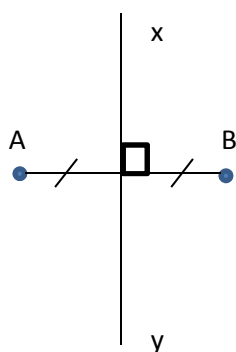
A HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH

Bài học	Bài tập
<u>1. Thế nào là hai góc đối đỉnh:</u>  Góc xOy và góc x'Oy' đối đỉnh (góc O₁ và góc O₃) Góc xOy' và góc x'Oy đối đỉnh (góc O₂ và góc O₄) Hai góc đối đỉnh là hai góc mà mỗi cạnh của góc này là tia đối của một cạnh của góc kia	<u>?1</u> Tìm cặp góc đối đỉnh trong hình sau   Làm Bài tập 1; 2; 3 SGK trang 82
<u>2. Tính chất của hai góc đối đỉnh</u>  Ta có : $\widehat{H_1} + \widehat{H_2} = 180^\circ \quad (\text{Hai góc kề bù})$ $\widehat{H_3} + \widehat{H_2} = 180^\circ \quad (\text{Hai góc kề bù})$ $\Rightarrow \widehat{H_1} + \widehat{H_2} = \widehat{H_3} + \widehat{H_2} = 180^\circ$ $\Rightarrow \widehat{H_1} = \widehat{H_3}$ Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau	<u>?2</u> Vẽ góc đối đỉnh với góc trong hình sau   Làm Bài tập 4; 6 SGK trang 82, 83 <u>Hướng dẫn làm bài 4</u> ❖ Dùng thước đo độ vẽ góc xBy đúng 60° rồi vẽ tiếp góc đối đỉnh, sau đó tính số đo các góc còn lại trên hình có giải thích. <u>Hướng dẫn làm bài 6</u> ❖ Làm tương tự bài 4

B- HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

Bài học	Bài tập
<u>1. Thế nào là hai đường thẳng vuông góc</u>  Hai đường thẳng xx', yy' cắt nhau và trong các góc tạo thành có một góc vuông được gọi là hai đường thẳng vuông góc và được kí hiệu $xx' \perp yy'$	 Làm Bài tập 11; 12 SGK trang 86 <u>Hướng dẫn làm bài 12</u> ❖ Trả lời câu đúng, câu sai sau đó vẽ hình cho câu sai
<u>2. Vẽ hai đường thẳng vuông góc</u> * Điểm O nằm trên đường thẳng a.  * Điểm O nằm ngoài đường thẳng a.  Có một và chỉ một đường thẳng a' đi qua điểm O và vuông góc với đường thẳng a cho trước	 Làm Bài tập 16; 17 SGK trang 87 <u>Hướng dẫn làm bài 16</u> ❖ Dùng thước êke vẽ vào hình trong sách.

3. Đường trung trực của đoạn thẳng



Đường thẳng vuông góc với một đoạn thẳng tại trung điểm của nó được gọi là đường trung trực của đoạn thẳng ấy

 Làm Bài tập 20 SGK trang 87

TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH VÀ NHÀ TRƯỜNG

Tiết 1: CÔNG TRƯỜNG MỞ RA

-Lí Lan-

I. ĐỌC, TÌM HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả

Lý Lan.

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ

Trích từ Báo “Yêu trẻ” số 166.

b. Đọc – chú thích

c. Bố cục: 2 phần

d. Thể loại và phương thức biểu đạt

- Thể loại: văn bản nhật dụng
- Ptbd: tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm

II. ĐỌC, TÌM HIỂU VĂN BẢN

1. Hoàn cảnh nảy sinh tâm trạng:

Đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được.

2. Diễn biến tâm trạng của mẹ:

- Không tập trung được.
 - Trằn trọc không ngủ được.
 - Nhớ về buổi khai trường đầu tiên
 - Con: ngủ ngoan, thanh thản, vô tư.
 - > Tương phản
- = > Có tình yêu thương con hết mực, mong muốn con cũng có kỉ niệm về ngày khai trường, muốn con có một tâm hồn trong sáng rộng mở.

3. Suy nghĩ của mẹ về ngày mai khi công trường mở ra:

- Ca ngợi tấm lòng yêu thương, tình cảm sâu nặng của mẹ với con.
- Vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc sống con người.

III. TỔNG KẾT: Ghi nhớ: SGK trang 9

IV. Luyện tập.

Những kỉ niệm nào thức dậy trong em khi đọc văn bản “Công trường mở ra” của tác giả Lí Lan. Hãy viết một đoạn văn khoảng 6 đến 8 câu về một kỉ niệm đáng nhớ nhất trong ngày khai trường đầu tiên của mình.

MẸ TÔI

(Ét- môn- đô đơ A- mi-xi -Những tấm lòng cao cả)

I. ĐỌC, TÌM HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả

E. A-mi-xi (1846 - 1908), nhà văn Ý, là tác giả của rất nhiều tác phẩm nổi tiếng cho thiếu nhi.

2. Tác phẩm

a. **Xuất xứ** Văn bản “ Mẹ tôi” trích trong tác phẩm “ Những tấm lòng cao cả” 1886

b. Đọc – chú thích

c. **Bố cục văn bản:** 3 phần

d. Thể loại và phương thức biểu đạt

- **Thể loại:** Thư từ- biểu cảm.

- **PTBD:** Biểu cảm

II. ĐỌC, TÌM HIỂU VĂN BẢN

1. Tâm trạng và thái độ của người cha.

- Buồn bã, tức giận xấu hổ vì sự thiếu lễ độ của con mình.

- Kiên quyết, nghiêm khắc nhắc nhở con,

2. Chân dung và tình cảm của người mẹ qua lời người cha.

- Hết lòng vì con, yêu thương con vô bờ bến

- Đây là tình cảm thiêng liêng nhất của người phụ nữ chân chính luôn mang bên mình.

- Con cái đối với họ là tất cả, hạnh phúc của con là hạnh phúc của mẹ, nỗi đau của con cũng chính là nỗi đau của mẹ

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ: (SGK /12)

IV. Luyện tập

Hãy kể lại một sự việc mà em làm khiến bố mẹ buồn lòng.

Tiết 2:

CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ

-Khánh Hoài-

I. ĐỌC, TÌM HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả.

- Tác giả: Khánh Hoài

2. Tác phẩm

a. **Xuất xứ:** Đạt giải nhì trong cuộc thi thơ, văn viết về quyền trẻ em tổ chức năm: 1992

b. Đọc – chú thích

c. **Bố cục:** 3 phần.

d. Thể loại và phương thức biểu đạt

- Thể loại: văn bản nhật dụng
- Ptbđ: tự sự xen miêu tả và biểu cảm

II. ĐỌC, TÌM HIỂU VĂN BẢN

1. Cảnh Thành – Thủy chia đồ chơi và búp bê.

a. Trước khi chia đồ chơi.

- Cảnh vật: vui tươi, sôi động.
 - Tâm trạng hai đứa trẻ:
 - + Thủy: đau buồn, tuyệt vọng, khóc nức nở
 - + Thành: Thương em, nhớ về chuyện em vá áo cho mình.
- => Tình cảm trong sáng, cao đẹp; Tấm lòng nhân hậu, vị tha.

b. Khi chia đồ chơi

- Mẹ giục đến lần thứ 3 mới chịu chia đồ chơi.
- Hành động và thái độ của hai anh em đầy mâu thuẫn.
- Tình cảm hai anh em keo sơn, gắn bó, đầy cảm động

2. Cuộc chia tay của Thủy với lớp học

- Ngạc nhiên, đau xót, thông cảm với nỗi bất hạnh của Thủy.
- Thủy không nhận bút và sổ, Thủy không được đi học nữa. (mất quyền cơ bản của trẻ em)
- Cảnh vật khi hai anh em rời khỏi trường, khỏi lớp: tươi đẹp.

3. Thành và Thủy chia tay nhau

- Thủy để hai con búp bê Vệ Sĩ, Em Nhỏ lại cho anh.
 - Thủy nhắc anh khi nào áo rách thì em sẽ vá cho.
- => Thủy là cô bé ngoan ngoãn và giàu lòng nhân hậu.

III. TỔNG KẾT: GHI NHỚ: SGK / 27

VI. LUYỆN TẬP

- Qua câu chuyện này, theo em, tác giả muốn nhắn gửi đến mọi người điều gì?

<u>Tiết 3, 4:</u>	LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN
--------------------------	---

I. Liên kết và phương tiện liên kết trong văn bản

1. Tính liên kết của văn bản

a. Ví dụ/sgk/17

b. Nhận xét

- Liên kết là nối liền, gắn bó giữa các câu, đoạn cả về nội dung và hình thức.
- Liên kết là 1 trong những tính chất quan trọng nhất của văn bản làm cho văn bản trở nên có nghĩa dễ hiểu

2. Phương tiện liên kết trong văn bản

a. Ví dụ/sgk/17

b. Nhận xét

Đề văn bản có tính liên kết chúng ta cần:

- Nội dung: các câu văn, đoạn văn phải gắn bó, thống nhất với nhau.
- Hình thức: dùng các từ ngữ, câu văn ... để kết nối các câu, các đoạn để cho văn bản trở nên có nghĩa, dễ hiểu.

II. GHI NHỚ/SGK/18

IV. LUYỆN TẬP

BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

I. Bố cục và những yêu cầu về bố cục trong văn bản.

1. Bố cục của văn bản

Bố cục là sự bố trí, sắp xếp các phần các đoạn theo một trình tự, một hệ thống rành mạch và hợp lí.

2. Những yêu cầu về bố cục trong VB

*Điều kiện để bố cục rành mạch hợp lí:

- Nội dung các phần, các đoạn trong VB phải thống nhất chặt chẽ với nhau; đồng thời giữa chúng lại phải có sự phân biệt rạch ròi.
- Trình tự sắp xếp các phần, các đoạn phải giúp cho người viết (người nói) dễ dàng đạt được mục đích giao tiếp.

3. Các phần của bố cục.

-Mở bài

-Thân bài

-Kết bài

* GHI NHỚ (sgk – trang 30)

II. Luyện tập

MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

I. Mạch lạc và những yêu cầu về mạch lạc trong văn bản

1. Mạch lạc là gì?

Mạch lạc là một mạng lưới về ý nghĩa (giống như mạch máu) nối liền các phần các đoạn, các ý tứ của văn bản. Trong văn thơ nó còn được gọi là mạch văn, mạch thơ.

**** Tính chất của mạch lạc trong văn bản:***

- + Trôi chảy thành dòng thành mạch.
- + Tuần tự đi qua khắp các phần, các đoạn trong văn bản.
- + Thông suốt, liên tục, không đứt đoạn.

* Trong văn bản, mạch lạc là sự tiếp nối các câu, các ý theo một trình tự hợp lí, nhằm làm cho chủ đề liền mạch và gợi được nhiều hứng thú cho người đọc, người nghe.

2. Các điều kiện để một văn bản có tính mạch lạc.

- Mạch lạc và liên kết có sự thống nhất.
- Một văn bản có thể mạch lạc khi các đoạn đó liên hệ với nhau về thời gian, không gian, tâm lí, ý nghĩa miễn là sự liên hệ ấy hợp lí, tự nhiên.

**** Ghi nhớ(SGK/ trang 32)***

II.Luyện tập